

**MAXFORCE FORTE RB0,05 4X(25X30GR) TUB TH**Phiên bản 1 / EU  
1020000225271/6  
Ngày xét duyệt: 13.05.2009  
Ngày in: 28.12.2009**1. NHẬN BIẾT CHẤT/CHẤT PHA CHẾ VÀ CÔNG TY/KINH DOANH****Thông tin sản phẩm**

Tên thương mại	MAXFORCE FORTE RB0,05 4X(25X30GR) TUB TH
Mã sản phẩm (UVP)	79717598
Công ty	Bayer CropScience AG Alfred-Nobel-Straße 50 40789 Monheim am Rhein Đức
Điện thoại	+49(0)2173-38-3373
Telefax	+49(0)2173-38-7394
Bộ phận chịu trách nhiệm	Quản Lý An Toàn Vật Tư và Vận Chuyển +49(0)2173-38-3409/4566 Email: INFO.EHS@bayercropscience.com
Số điện thoại khẩn cấp	+49(0)2133-51-4233 (Sicherheitszentrale Dormagen, Bayer AG)

**2. NHẬN BIẾT NGUY HIỂM****Rủi ro đối với con người và môi trường**

Độc hại cho thủy sinh vật, có thể gây tác động xấu lâu dài trong môi trường thủy sinh.

**3. CẤU TẠO/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN****Tính chất hóa học**

Bả (làm sẵn) (RB)  
Fipronil 0.05%

**Thành phần nguy hiểm**

Tên hóa học	Số CAS/Số EC	Ký hiệu	(Các) cụm từ R	Nồng độ [%]
Fipronil	120068-37-3 4246105	T, N	R23/24/25, R48/25, R50/53	0,05
1,2-Benzisothiazol-3(2H)-one	2634-33-5 220-120-9	Xn, N	R22, R38, R41, R43, R50	>= 0,05 - <= 5,00
Hỗn hợp 5-Chlor-2-methyl-3(2H)-isothiazolon và 2-Methyl-2H-isothiazol-3-on	55965-84-9	T, N	R23/24/25, R34, R43, R50/53	>= 0,0015 - <= 0,06

Để biết toàn bộ nguyên văn của cụm từ R được đề cập trong Phần này, xem Phần 16.



## MAXFORCE FORTE RB0,05 4X(25X30GR) TUB TH

Phiên bản 1 / EU  
102000022527

2/6  
Ngày xét duyệt: 13.05.2009  
Ngày in: 28.12.2009

### 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

#### Hướng dẫn chung

Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm. Khi các triệu chứng phát triển và dai dẳng, đề nghị tư vấn y tế

#### Tiếp xúc da

Rửa sạch thật kỹ với nhiều xà phòng và nước, nếu có thể với polyethyleneglycol 400, sau đó rửa thật sạch với nước.

#### Tiếp xúc mắt

Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, tháo kính sát trùng và rửa sạch ngay với nhiều nước, cũng rửa dưới mí mắt trong vòng ít nhất 15 phút.

#### Ăn vào

KHÔNG gây nôn. Gọi ngay cho bác sĩ hoặc trung tâm phòng chống chất độc.

#### Lưu ý dành cho bác sĩ

#### Triệu chứng:

Những triệu chứng sau đây có thể xảy ra:; rùng mình, lo lắng, bồn chồn

#### Điều trị

Theo dõi cẩn thận các chức năng hô hấp.

Không có thuốc giải độc cụ thể.

Trong trường hợp co giật, phải cho uống benzodiazepine (ví dụ như diazepam) theo phát đồ chuẩn.

Hô hấp nhân tạo hoặc thở khí oxy nếu cần thiết.

Giữ đường hô hấp sạch.

Trong trường hợp nuốt phải, cần xem xét rửa dạ dày nếu nuốt phải một lượng đáng kể chỉ trong vòng 2 giờ đầu tiên. Tuy nhiên luôn cho uống than hoạt tính và sodium sulphate.

Triệu chứng ngộ độc có thể chỉ xuất hiện sau vài giờ.

Liên tục theo dõi y tế trong vòng ít nhất 48 giờ.

### 5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

#### Chất Chữa Cháy Thích Hợp

Phun nước

Carbon dioxide (CO<sub>2</sub>)

Bọt

Bột khô

#### Những nguy hiểm cụ thể trong khi chữa cháy

Trong trường hợp cháy, những chất sau đây có thể được phát thải:

Carbon monoxide (CO)

Nitrogen oxides (NO<sub>x</sub>)

Sulphur oxides

Hydrogen chloride (HCl)

Hydrogen fluoride (HF)



## MAXFORCE FORTE RB0,05 4X(25X30GR) TUB TH

Phiên bản 1 / EU  
102000022527

3/6  
Ngày xét duyệt: 13.05.2009  
Ngày in: 28.12.2009

### Thiết bị bảo vệ đặc biệt dành cho nhân viên chữa cháy

Trong trường hợp cháy, đeo bình khí thở.

### Thông tin thêm

Chức chất chữa cháy.

Không cho dòng nước chữa cháy chảy vào đường ống dẫn nước hoặc các nguồn nước.

---

## 6. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ TÌNH HUỐNG HÓA CHẤT BỊ XẢ RA BẤT NGỜ

### Cảnh báo cá nhân

Tránh tiếp xúc với sản phẩm tràn đổ hoặc các bề mặt bị nhiễm bẩn.

### Đề phòng môi trường

Không cho phép chảy vào nước mặt, đường ống dẫn nước và nước ngầm.

### Biện pháp dọn dẹp

Tính chất của sản phẩm này là khi đựng trong các bao bì thương mại, không có khả năng tràn đổ. Tuy nhiên, nếu tràn đổ một lượng đáng kể, thì cần áp dụng những hướng dẫn sau đây.

Dùng vật liệu thấm hút trơ (như cát, gel silica, chất kết dính acid, chất kết dính thông thường) để thấm hút. Thu gom và chuyển sản phẩm vào thùng đựng có dán nhãn thích hợp và đóng chặt.

### Hướng dẫn khác

Thông tin về xử lý an toàn, xem Phần 7.

Thông tin về thiết bị bảo hộ cá nhân, xem Phần 8.

Thông tin về xử lý chất thải, xem Phần 13.

---

## 7. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

### Xử lý

Hướng dẫn xử lý an toàn

Không yêu cầu các đề phòng cụ thể khi xử lý các gói/thùng đựng chưa mở; thực hiện theo hướng dẫn xử lý bằng tay tương đương.

### Lưu trữ

Yêu cầu đối với các khu vực lưu trữ và thùng đựng

Lưu trữ ở nơi mà chỉ có người có thẩm quyền mới được tiếp cận.

Đóng kín thùng đựng, đặt ở nơi khô ráo, mát mẻ và được thông gió tốt.

Hướng dẫn lưu trữ thông thường

Tránh xa thức ăn, đồ uống và thức ăn gia súc.

Dung sai nhiệt độ -10°C đến 38°C

Vật liệu thích hợp

Polyethylene

---

## 8. KIỂM SOÁT PHOI NHIỄM/BẢO VỆ CÁ NHÂN

**MAXFORCE FORTE RB0,05 4X(25X30GR) TUB TH**Phiên bản 1 / EU  
1020000225274/6  
Ngày xét duyệt: 13.05.2009  
Ngày in: 28.12.2009**Thành phần với các thông số kiểm soát nơi làm việc**

Thành phần	Số CAS	Thông số kiểm soát	Cập nhật	Cơ sở
Fipronil	120068-37-3	0.035 mg/m <sup>3</sup>		OES BCS*

\*OES BCS: Internal Bayer CropScience "Tiêu Chuẩn Phơi Nhiễm Nghề Nghiệp"

**Thiết bị bảo hộ cá nhân**

Trong điều kiện sử dụng và xử lý thông thường, vui lòng tham khảo nhãn và/hoặc tờ rơi. Trong những trường hợp khác, những đề nghị sau đây sẽ áp dụng.

Bảo vệ hô hấp	Thường không yêu cầu thiết bị bảo vệ hô hấp cá nhân.
Bảo vệ tay	Đeo găng tay cao su nitrile có in chữ CE (hoặc tương đương) (tối thiểu dày 0,40 mm). Giặt sạch khi bị nhiễm bẩn. Vứt bỏ khi bị nhiễm bẩn bên trong, bị rách lỗ hoặc bị nhiễm bẩn bên ngoài không thể giặt sạch. Luôn rửa sạch tay trước khi ăn, uống, hút thuốc hoặc đi vệ sinh.
Bảo vệ mắt	Đeo kính bảo hộ tuân theo EN166 (Phạm vi sử dụng 5 hoặc tương đương).
Bảo vệ da và cơ thể	Mặc áo quần bảo vệ nhẹ.
Các biện pháp vệ sinh	Rửa sạch tay ngay sau khi làm việc, tắm rửa nếu cần. Cởi bỏ ngay áo quần bị nhiễm bẩn và giặt kỹ trước khi sử dụng lại. Không ăn, uống và hút thuốc trong khu vực sử dụng.

**9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC****Hình dạng**

Hình thức	gel
Màu	nâu
Mùi	yếu, mùi đặc trưng

**Dữ liệu an toàn**

pH	5 – 7 ở 1% (23 <sup>0</sup> C)
Mật độ	khoảng 1.18 g/cm <sup>3</sup> ở 20 <sup>0</sup> C

**10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG**

Các phản ứng nguy hiểm	Không có phản ứng nguy hiểm khi lưu trữ và xử lý theo hướng dẫn miêu tả. Ổn định trong điều kiện bình thường.
------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**11. THÔNG TIN CHẤT ĐỘC**

Độc hại cấp tính qua miệng	LD50 (chuột) > 2.000 mg/kg
----------------------------	----------------------------

**MAXFORCE FORTE RB0,05 4X(25X30GR) TUB TH**Phiên bản 1 / EU  
1020000225275/6  
Ngày xét duyệt: 13.05.2009  
Ngày in: 28.12.2009

Độc tính cấp tính qua da	LD50 (chuột) > 2.000 mg/kg
Kích ứng da	Tác động kích thích nhẹ - không yêu cầu dán nhãn. (thò)
Kích ứng mắt	Tác động kích thích nhẹ - không yêu cầu dán nhãn. (thò)
Khả năng gây dị ứng	Không gây dị ứng. OECD Hướng Dẫn Thí Nghiệm 406, thí nghiệm Buehler

**12. THÔNG TIN SINH THÁI****Thông tin bài tiết (độ bền và tính phân giải)**

Khả năng tích tụ sinh học Cá mặt trời (Cá mang xanh)  
Hệ số cô động sinh học (BCF): 321  
Giá trị được đề cập có liên quan đến hoạt chất fipronil.

**Tác động độc tính sinh thái**

Độc tính đối với cá LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi vân)) 0,25 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h  
Giá trị được đề cập có liên quan đến hoạt chất fipronil.

Độc tính đối với loài rận nước EC50 (Bọ chết nước ngọt (Daphnia magna)) 0,19 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 48 h  
Giá trị được đề cập có liên quan đến hoạt chất fipronil.

Độc tính đối với tảo EC50 (Scenedesmus subspicatus) 0,068 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h  
Giá trị được đề cập có liên quan đến hoạt chất fipronil.

**13. CÁC CÂN NHẮC KHI THẢI BỎ****Sản phẩm**

Theo những quy định hiện hành và sau khi tham vấn với nhà hoạt động tại hiện trường, nếu có thể, và/hoặc với cơ quan có trách nhiệm, sản phẩm có thể được đưa đến khu vực xử lý chất thải hay trạm đốt rác.

**Bao bì bị nhiễm bẩn**

Xử lý như là sản phẩm chưa sử dụng.

**Thông tin quan trọng về chất thải đối với sản phẩm chưa sử dụng**

020108 chất thải hóa nông có chứa các chất nguy hiểm

**14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN**

Theo các quy định vận chuyển quốc gia và quốc tế, sản phẩm không được phân loại là hàng nguy hiểm.



**MAXFORCE FORTE RB0,05 4X(25X30GR) TUB TH**

Phiên bản 1 / EU  
102000022527

6/6  
Ngày xét duyệt: 13.05.2009  
Ngày in: 28.12.2009

**15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH**

**Phân loại và dán nhãn theo Chỉ Thị EC về chất nguy hiểm 1999/45/EC như được sửa đổi.**

Phân loại:

Nhãn cảnh báo nguy hiểm bắt buộc.

Thành phần nguy hiểm phải được liệt kê trên nhãn:

- Fipronil

(Các) cụm từ R

R52/53 Độc hại cho thủy sinh vật, có thể gây tác động xấu lâu dài trong môi trường thủy sinh.

Dán nhãn đặc biệt

Để tránh rủi ro cho con người và môi trường, tuân theo các hướng dẫn sử dụng.

Chứa 1,2-benzisothiazolin-3-one. Có thể gây phản ứng dị ứng.

Chứa 5-chloro-2-methyl-isothiazol-3-one/2-methyl-isothiazol-3-one. Có thể gây phản ứng dị ứng.

Thông tin thêm

Phân Loại theo WHO: III (Nguy hiểm không đáng kể)

**16. THÔNG TIN KHÁC**

**Thông tin thêm**

Nguyên văn của cụm từ R được đề cập trong Phần 3

- |           |                                                                                          |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| R22       | Độc hại nếu nuốt phải.                                                                   |
| R23/24/25 | Độc hại khi hít vào, tiếp xúc với da và nếu nuốt phải.                                   |
| R34       | Gây bỏng                                                                                 |
| R38       | Gây kích ứng cho da                                                                      |
| R41       | Rủi ro thương tổn mắt nghiêm trọng                                                       |
| R43       | Có thể gây mẫn cảm do tiếp xúc da                                                        |
| R48/25    | Độc; nguy cơ thương tổn sức khỏe nghiêm trọng do phơi nhiễm kéo dài nếu nuốt phải.       |
| R50       | Rất độc cho sinh vật thủy sinh                                                           |
| R50/53    | Rất độc cho sinh vật thủy sinh, có thể gây tác dụng xấu lâu dài lên môi trường thủy sinh |

Thông tin có trong Bảng Chỉ Dẫn An Toàn này được đề cập theo hướng dẫn được thiết lập bởi Quy Định (EC) 1907/2006. Bảng chỉ dẫn an toàn này bổ sung cho những hướng dẫn người sử dụng, nhưng không thay thế chúng. Thông tin có trong bảng chỉ dẫn an toàn này dựa trên kiến thức hiện có về sản phẩm được đề cập vào lúc soạn thảo. Người sử dụng nên được khuyến cáo thêm về những rủi ro có thể xảy ra khi sử dụng sản phẩm cho mục đích khác ngoài mục đích được đề cập. Những thông tin yêu cầu tuân theo pháp luật hiện hành của EEC. Người nhận phải tuân theo các yêu cầu khác của nhà nước.

Những thay đổi từ phiên bản mới nhất được làm nổi bật ở phần lề. Phiên bản này thay thế cho mọi phiên bản trước đó.